

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ALPHA LAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ALPHA LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALPHA LAND INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALPHA LAND IC .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108670144

**3. Ngày thành lập:** 28/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 45, đường Bắc Hồng, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0354618999

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan</li> <li>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng cơ bản</li> <li>- Hoạt động đo đạc và bản đồ</li> <li>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước</li> <li>- Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng</li> <li>- Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình</li> <li>- Giám sát thi công và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình</li> <li>- Khảo sát xây dựng công trình</li> <li>- Thi công xây dựng công trình</li> <li>- Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng</li> <li>- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình</li> <li>- Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình</li> <li>- Thiết kế điện - cơ điện công trình</li> <li>- Thiết kế phòng cháy - chữa cháy</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ</li> <li>- Tư vấn đấu thầu</li> </ul> | 7110        |
| 2.  | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động trang trí nội thất</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410        |
| 3.  | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ môi giới bất động sản</li> <li>- Sàn giao dịch bất động sản</li> <li>- Tư vấn bất động sản</li> <li>- Quản lý bất động sản</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6820        |
| 4.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4101(Chính) |
| 5.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4102        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4212        |
| 7.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4221        |
| 8.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4222        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                               | 4223 |
| 10. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình xử lý bùn.<br>- Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                             | 4229 |
| 11. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4291 |
| 12. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4292 |
| 13. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4293 |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời<br>- Chia tách đất với cải tạo đất                                                                                                                                      | 4299 |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311 |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4312 |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết:<br>- Dây dẫn và thiết bị điện<br>- Đường dây thông tin liên lạc<br>- Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học<br>- Đèn vệ tinh<br>- Hệ thống chiếu sáng<br>- Chuông báo cháy<br>- Hệ thống báo động chống trộm<br>- Tín hiệu điện và đèn trên đường phố | 4321 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                            | 4322 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Thang máy, thang cuốn<br>- Cửa cuốn, cửa tự động<br>- Dây dẫn chống sét<br>- Hệ thống hút bụi<br>- Hệ thống âm thanh<br>- Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung                                                                                              | 4329 |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc</li> <li>- Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước</li> <li>- Chống ẩm các toà nhà</li> <li>- Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ)</li> <li>- Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối</li> <li>- Uốn thép</li> <li>- Xây gạch và đặt đá</li> <li>- Lợp mái các công trình nhà để ở</li> <li>- Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo</li> <li>- Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời</li> </ul>                                                                                                                        | 4390 |
| 22. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659 |
| 23. | <p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn sắt thép</li> <li>- Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4662 |
| 24. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;</li> <li>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;</li> <li>- Bán buôn sơn và véc ni;</li> <li>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;</li> <li>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;</li> <li>- Bán buôn kính phẳng;</li> <li>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;</li> <li>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;</li> <li>- Bán buôn bình đun nước nóng;</li> <li>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;</li> <li>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;</li> <li>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.</li> </ul> | 4663 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây - dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 26. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4649 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4759 |
| 28. | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2720 |
| 29. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ<br>Chi tiết:<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật dân dụng<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật vật liệu                                                                                                                                                                                                                       | 7212 |
| 30. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn về công nghệ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7490 |
| 31. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các phòng hát karaoke                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9329 |
| 32. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4633 |
| 33. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4723 |
| 34. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Quán cà phê, giải khát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5630 |

|     |                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ TRƯỜNG QUÂN | Số 59 tổ 1 đường Voi Phục, Phường Trung Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 100.020    | 1.000.200.000         | 33,340    | 038090001590                                                                                |         |
|     |                |                                                                                             | Tổng số           | 100.020    | 1.000.200.000         | 33,340    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHAM ANH TUẤN  | Thôn Vũ Xá, Xã Ngô Quyền, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 99.990     | 999.900.000           | 33,330    | 030093005192                                                                                |         |
|     |                |                                                                                             | Tổng số           | 99.990     | 999.900.000           | 33,330    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | HÀ MINH PHƯƠNG | Số 20/25, đường Cao Bá Quát, Phường Trung Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 99.990     | 999.900.000           | 33,330    | 037090002947                                                                                |         |
|     |                |                                                                                             | Tổng số           | 99.990     | 999.900.000           | 33,330    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Thời gian đăng từ ngày 28/03/2019 đến ngày 27/04/2019

\* Họ và tên: LÊ TRƯỜNG QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/06/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038090001590

Ngày cấp: 05/07/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 59 tổ 1 đường Voi Phục, Phường Trung Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 40/112, phố Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội